

Bản án số: 223/2021/HSPT
Ngày: 28/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo **Nguyễn Ngọc L**, **Nguyễn Văn D** về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1018/2021/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021.

- Bị cáo kháng cáo, bị kháng cáo:

1. **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 12/10/1994 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: , huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: phụ xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị A; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2016 đến ngày 06/01/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, ngày 16/4/2018 bị cáo bị bắt tạm giam lại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa;

2. **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 10/12/1970 tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D (Chết) và bà Văn Thị T; có vợ tên là Huỳnh Thị A và có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Văn D:* Bà Nguyễn Thị Bích T và bà Bùi Thị S – Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Lương N, sinh năm 1969; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lương Quang N1, sinh năm 1997; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1992; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

3. Ông Tạ Đình H, sinh năm: 1995; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Minh D; sinh năm: 1995; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Thế Y, sinh năm: 1991; trú tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn D có trang trại và rẫy keo tại huyện B. Rẫy keo của ông Nguyễn Văn D nằm sát với rẫy keo của ông Lương N. Vào ngày 20/9/2016, rẫy keo của ông Lương N bị cháy nên ông Lương N nghi ngờ do Nguyễn Văn D đốt rẫy làm cháy cây keo, dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến tối ông Nguyễn Văn D có kể lại sự việc trên cho 02 người con của ông là Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc L, đồng thời bảo L và L rủ thêm bạn lên trang trại chơi để “*dẫn mặt*” ông Lương N.

Sáng ngày 21/9/2016, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc L rủ Đỗ Minh D, Tạ Đình H và Huỳnh Thế Y lên trang trại của ông Nguyễn Văn D chơi, đến 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Ngọc L, Đỗ Minh D, Tạ Đình H và Huỳnh Thế Y mua rượu đến trang trại uống cùng ông Nguyễn Văn D.

Đến khoảng 16 giờ, khi đi ngang qua nhà ông Lương N thì thấy ông N và con trai là Lương Quang N1 đang ở nhà nên ông Nguyễn Văn D gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc L nói “*Con qua nhà ông N với ba*”. Lúc này Nguyễn Ngọc L đang nhậu nên nói lại với cả nhóm bạn là “*thôi đi qua nhà ông N bây*” thì tất cả đồng ý cùng đi. Khi đi, Nguyễn Ngọc L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76P-6156 chở Đỗ Minh D đi trước, còn Nguyễn Ngọc L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-1783 chở Tạ Đình H và Huỳnh Thế Y đi sau. Trước khi đi, Nguyễn Ngọc L vào nhà (*trang trại*) lấy 01 con dao Thái Lan của gia đình mang theo, việc L lấy dao mang theo trong người trong nhóm không ai biết.

Lúc này, ông Lương N và anh Lương Quang N1 vừa đi làm về, ngồi ngoài sân nghỉ ngơi, trên tay mỗi người cầm một cây rựa. Thấy ông D đi bộ vào, ông N hỏi “*đi đâu*”, ông D nói “*qua nói chuyện*” nên ông N và anh N1 đi vòng ra sau mở cửa vào

nhà. Cùng lúc, L đến và cùng ông D bước vào nhà ông Lương N. Khi vào nhà ông Lương N thì hai bên xảy ra cãi vã dẫn đến giằng co với nhau. Thấy ông N đang cầm rựa trên tay đứng gần đó, ông D sợ ông N chém mình nên ông D ôm, giằng co với ông N đi về hướng cửa ra ngoài sân để giật lấy rựa, còn L giằng co với anh N1. Khi L đến, thấy hai bên đang giằng co thì L chạy vào chỗ ông D và ông Lương N thì bị cây rựa va vào đầu làm chảy máu, L bực tức nên rút dao Thái lan giấu sẵn trong người đâm một nhát vào vùng bụng của ông N. Sau đó, L quay qua chỗ Nguyễn Ngọc L đang giằng co với Lương Quang N1, L dùng dao Thái Lan đâm từ phía sau, trúng lưng anh Lương Quang N1. Anh Lương Quang N1 bỏ chạy ra sân, thì bị Đỗ Minh D dùng cây đánh làm anh N1 ngã nằm dưới sân. L chạy đến, giật đoạn cây trên tay D đánh liên tiếp vào người anh Lương Quang N1, làm đoạn cây văng ra ngoài. L thấy ông Lương N đang nằm gần đó nên tiếp tục nhặt một cây khác, đánh nhiều cái vào người ông N thì được L và ông D can ngăn. Sau đó, còn ông N và anh N1 bị thương tích, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 141/2016/GĐPY, ngày 22/9/2016 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi kết luận thương tích của ông Lương N: Vết thương ngực phải dài 02cm, gây thủng gan hạ phân thùy phải, thủng cơ hoành 02 lỗ, thủng tâm thất phải, thủng phổi phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 66%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 140/2016/GĐPY, ngày 22/9/2016 của Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi kết luận thương tích của Lương Quang N1 là 3%.

Ngày 25/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện B có Công văn số 25/CSĐT đề nghị Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi tách tỷ lệ phần trăm thương tích của Lương Quang N1.

Ngày 26/4/2017, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi có công văn số 10/2017/CV-PY trả lời:

- Vùng thất lưng trái có vết thương dài 2,5cm đã khâu chỉ: 2%.
- Nhiều vết xây xước da kích thước nhỏ vùng mặt, chòm vai trái và bả vai trái có nhiều vết bầm: 1%.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST, ngày 29/11/2017, Tòa án nhân dân huyện B tuyên phạt Nguyễn Ngọc L 05 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và Đỗ Minh D 09 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 27/02/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định giám đốc thẩm số 09/2019/GĐT; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, với lý do: hành vi của Nguyễn Ngọc L có dấu hiệu của tội phạm “*Giết người*” được quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điều tra làm rõ vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn D với Nguyễn Ngọc L.

Tại bản Cáo trạng số 1569/CT-VKS ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Giết người*” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 27/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn D phạm tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/4/2018 và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/9/2016 đến ngày 06/01/2017.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Án lệ số 17/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (*ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 27/7/2020.

- Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 587 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn D phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại ông Lương N số tiền là 191.696.323 đồng, được khấu trừ 140.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 51.696.323 đồng. Trong đó: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chịu trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho ông Lương N số tiền là 41.696.323 đồng (*bốn mươi một triệu sáu trăm chín sáu nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*), buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho ông Lương N số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, bị hại Lương N có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc L, bị cáo Nguyễn Văn D và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị cáo Nguyễn Văn D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

+ Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lương N; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Lương N là người kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Sự vắng mặt của bị hại Lương N không ảnh hưởng đến

việc giải quyết kháng cáo nên căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bị hại Lương N

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Xuất phát từ việc bị hại Lương N nghi ngờ bị cáo Nguyễn Văn D đốt rẫy của bị hại N; bị cáo D đã bảo các con của mình là Nguyễn Ngọc L và bị cáo Nguyễn Ngọc L rủ thêm bạn lên trang trại của bị hại Lương N để đe dọa hoặc đánh “*dằn mặt*” nên là người khởi xướng ra sự việc.

Trước và khi thực hiện tội phạm; bị cáo Nguyễn Văn D đi tìm bị hại và sau khi tìm được bị hại, bị cáo D gọi điện thoại bảo Nguyễn Ngọc L, bị cáo Nguyễn Ngọc L và Đỗ Minh D, Tạ Đình H và Huỳnh Thế Y đến nhà của bị hại để “*dằn mặt*”; bị cáo Nguyễn Ngọc L tự ý đem theo 01 con dao Thái (*bị cáo D và những người cùng đi không biết*) và đã dùng con dao Thái đâm vào vùng bụng là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, có thể tước đoạt tính mạng và dùng khúc cây gỗ đánh liên tiếp vào người ông Lương N cho đến khi được ông D và anh L can ngăn thì L mới dừng lại. Sau khi ông Lương N bị thương tích, bị cáo D và bị cáo L bỏ đi, bỏ mặc hậu quả xảy ra.

Hậu quả: Ông Lương N bị thương tích tại vết thương ngực phải dài 02cm, gây thủng gan hạ phân thùy phải, thủng cơ hoành 02 lỗ, thủng tâm thất phải và thủng phổi phải; với tỷ lệ thương tích 66%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Ngọc L, về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Văn D, về tội “*Giết người*” quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng theo Án lệ số 17/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét kháng cáo về hình phạt:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo Nguyễn Văn D đã xúi giục con mình là Nguyễn Ngọc L, và Nguyễn Ngọc L rủ bạn để uy hiếp bị hại; bị cáo Nguyễn Ngọc L đã không khuyên can cha mình mà lại còn lôi kéo người khác tham gia đã thể hiện xem thường pháp luật và coi thường trật tự trị an xã hội. Bị cáo Nguyễn Ngọc L trước khi thực hiện tội phạm đã chuẩn bị hung khí nguy hiểm và khi thực hiện tội phạm đã dùng hung khí đã chuẩn bị đâm vào nơi trọng yếu trên cơ thể bị hại và dùng cây đánh liên tiếp vào người bị hại Lương N cho đến khi được can ngăn; hành vi của Nguyễn Ngọc L đã thể hiện sự côn đồ hung hãn và xem thường tính mạng của người khác.

Vì vậy, sau khi đánh giá tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền là 140.000.000 đồng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Ngọc L và trường hợp phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 08 (*tám*) năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (*ba*) năm tù là phù hợp và có căn cứ. Cho nên, không chấp nhận kháng cáo về hình phạt kháng cáo của bị hại Lương N.

Tuy nhiên, xét thấy giữa bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Ngọc L là cha con cùng gia đình; tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn D tiếp tục bồi thường toàn bộ số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc đối với cáo, thể hiện sự ăn năn hối cải và đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Cho nên, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị

cáo Nguyễn Văn D; giảm bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo đối với người phạm tội ăn năn hối cải.

[4] Xét kháng cáo về bồi thường:

Ông Lương N yêu cầu các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn D phải bồi thường cho ông số tiền là 340.000.000 đồng, đã bồi thường trước 140.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu bồi thường của bị hại Lương N đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết về các khoản chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, điều trị và bồi dưỡng sức khỏe số tiền 38.396.323 đồng; thu nhập thực tế bị mất số tiền 39.400.000 đồng; chi phí hợp lý cho người chăm sóc số tiền 39.400.000 đồng và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 50 tháng lương cơ sở với số tiền 74.500.000 đồng là đầy đủ và đúng quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự nên không có căn cứ chấp nhận tăng mức bồi thường theo yêu cầu kháng cáo của bị hại Lương N.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lương N.

+ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D; sửa bản án sơ thẩm;

- Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/4/2018 và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/9/2016 đến ngày 06/01/2017.

Áp dụng: khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Án lệ số 17/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 27/7/2020.

- Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 587 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Văn D phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại ông Lương N số tiền là 191.696.323 đồng, được khấu trừ 140.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 51.696.323 đồng.

Trong đó: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải chịu trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho ông Lương N số tiền là 41.696.323 đồng (*bốn mươi một triệu sáu trăm chín sáu nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*), buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu trách

nhiệm tiếp tục bồi thường cho ông Lương N số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về án phí sơ thẩm, về lãi chậm trả và quyền nghĩa vụ thi hành án đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh